CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

TRANG THÔNG TIN NHỮNG ĐÓNG GÓP MỚI CỦA LUẬN ÁN

Tên luận án: Tác động của phát triển tài chính đến kinh tế tuần hoàn – Vai trò của chất lượng thể chế

Chuyên ngành: Tài chính – Ngân hàng Mã số: 9340201

Nghiên cứu sinh: Lê Quốc Dĩnh Khoá 2023

Cơ sở đào tạo: Trường Đại học Tài chính – Marketing

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Trần Thị Kim Oanh
2. TS. Nguyễn Việt Hồng Anh

Luận án "Tác động của phát triển tài chính đến kinh tế tuần hoàn – Vai trò của chất lượng thể chế" nghiên cứu việc đo lường kinh tế tuần hoàn (KTTH) cấp quốc gia và mối quan hệ giữa phát triển tài chính (PTTC), chất lượng thể chế với KTTH. Trên cơ sở dữ liệu 109 quốc gia giai đoạn 2002–2024, gồm 30 quốc gia phát triển và 79 quốc gia đang phát triển, luận án có những đóng góp sau:

1. Đóng góp về lý luận và học thuật

Thứ nhất, luận án mở rộng cách tiếp cận hệ thống đối với KTTH ở cấp vĩ mô. Thay vì đồng nhất KTTH với tái chế hoặc xử lý chất thải cuối vòng đời, nghiên cứu đặt hiệu quả các-bon, hiệu quả năng lượng, chuyển dịch năng lượng và áp lực vật chất trong cùng một khung phân tích. Qua đó, luận án làm rõ rằng đánh giá quá trình chuyển đổi tuần hoàn cần xem xét đồng thời hiệu quả sử dụng nguồn lực, thay đổi cơ cấu năng lượng và áp lực đối với môi trường. Cách tiếp cận này mở rộng phạm vi nghiên cứu từ cấp sản phẩm, doanh

nghiệp và ngành sang cấp quốc gia, đồng thời tạo cơ sở lý luận cho so sánh các nền kinh tế có trình độ phát triển khác nhau.

Thứ hai, luận án làm rõ tính phụ thuộc theo bối cảnh của mối quan hệ giữa PTTC và KTTH. Tài chính có khả năng huy động, sàng lọc và phân bổ vốn, nhưng tăng quy mô tín dụng không mặc nhiên tạo ra kết quả tuần hoàn. Dòng vốn có thể hỗ trợ công nghệ sạch, năng lượng tái tạo và hạ tầng tuần hoàn, hoặc tiếp tục mở rộng những ngành thâm dụng các-bon và vật chất. Vì vậy, hướng phân bổ vốn và điều kiện vận hành của hệ thống tài chính cần được xem xét cùng với chiều tác động của PTTC.

Thứ ba, luận án bổ sung chất lượng thể chế như một điều kiện điều tiết quan trọng trong quan hệ giữa PTTC và KTTH. Sáu chiều cạnh được phân tích riêng gồm kiểm soát tham nhũng, hiệu quả chính phủ, ổn định chính trị, pháp quyền, chất lượng điều tiết, tiếng nói và trách nhiệm giải trình. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện các kênh liên quan đến minh bạch, thực thi chính sách, ổn định kỳ vọng, bảo đảm hợp đồng và giám sát dòng vốn. Việc kết nối lý thuyết trung gian tài chính, lý thuyết tín hiệu bền vững, lý thuyết gián đoạn bền vững và lý thuyết thể chế góp phần giải thích vì sao tác động của tài chính khác nhau giữa các quốc gia, thay vì quy sự khác biệt chỉ về thu nhập hoặc quy mô tài chính.

2. Đóng góp về phương pháp và bằng chứng thực nghiệm

Thứ nhất, luận án xây dựng chỉ số KTTH tổng hợp cấp vĩ mô từ bốn chiều cạnh gồm hiệu quả các-bon, hiệu quả năng lượng, chuyển dịch năng lượng và áp lực vật chất. Các chỉ báo được thống nhất chiều tác động, chuẩn hóa và kết hợp bằng phân tích thành phần chính (PCA), qua đó xác định trọng số theo cấu trúc dữ liệu thay vì gán hoàn toàn chủ quan. Việc thực hiện PCA trên mẫu gộp và chuẩn hóa chỉ số về khoảng từ 0 đến 1 tạo ra cơ sở đo lường chung để so sánh theo quốc gia và thời gian.

Thứ hai, nghiên cứu cung cấp bằng chứng định lượng về chênh lệch KTTH giữa hai nhóm quốc gia. Điểm chỉ số trung bình của nhóm phát triển đạt 0,864, so với 0,413 ở nhóm đang phát triển. Các kiểm định Levene, Welch và Mann–Whitney U được sử dụng để đánh giá sự khác biệt này. Nghiên cứu cũng ghi nhận mức độ phân hóa lớn hơn trong nhóm đang phát triển. Đóng góp thực nghiệm nằm ở việc sử dụng cùng một thước đo và giai đoạn quan sát để phân tích khoảng cách cũng như xu hướng chuyển đổi tuần hoàn, thay vì so sánh các chỉ tiêu riêng lẻ không tương đương.

Thứ ba, luận án kết hợp PCA với hồi quy Bayes trong một quy trình từ đo lường KTTH đến phân tích mối quan hệ giữa PTTC và chất lượng thể chế. Việc ước lượng riêng cho

30 quốc gia phát triển và 79 quốc gia đang phát triển cho phép xem xét trung bình hậu nghiệm, khoảng hậu nghiệm và xác suất chiều tác động theo từng nhóm. Kết quả cho thấy tác động trực tiếp của PTTC cùng chiều và tương đối ổn định tại nhóm phát triển, nhưng nhỏ hơn và kém ổn định tại nhóm đang phát triển. Cả sáu hệ số tương tác giữa PTTC với các chiều cạnh thể chế mang dấu dương trong nhóm phát triển; tại nhóm đang phát triển, mức độ chắc chắn của bằng chứng hậu nghiệm có sự phân hóa. Qua đó, nghiên cứu bổ sung bằng chứng về tính dị biệt theo bối cảnh phát triển của quan hệ tài chính – thể chế – tuần hoàn.

Cuối cùng, luận án đối chiếu kết quả với OLS, FEM, REM, FEM hai chiều và kiểm tra độ nhạy thông qua thước đo thay thế, biến trễ, loại giai đoạn khủng hoảng và thay đổi tiên nghiệm. Các kiểm tra này hỗ trợ đánh giá tính ổn định của kết quả, song không được xem là bằng chứng giải quyết hoàn toàn nội sinh hoặc xác lập quan hệ nhân quả tuyệt đối.

3. Đóng góp về thực tiễn và hàm ý chính sách

Thứ nhất, chỉ số KTTH được đề xuất cung cấp một khung tham khảo để cơ quan quản lý và tổ chức nghiên cứu theo dõi hiệu quả các-bon, hiệu quả năng lượng, chuyển dịch năng lượng và áp lực vật chất ở cấp quốc gia. Cấu trúc thống nhất giúp so sánh tiến độ, xác định khoảng cách chuyển đổi và nhận diện chiều cạnh cần quan tâm. Việc ứng dụng chỉ số cần đi kèm cập nhật dữ liệu và bổ sung những chỉ báo trong nước. Theo giới hạn đã nêu trong luận án, chỉ số chưa đo lường trực tiếp đầy đủ các vòng lặp vật chất như sửa chữa, tái sử dụng, tái sản xuất và tỷ lệ vật liệu thứ cấp; vì vậy, không nên xem đây là thước đo duy nhất của toàn bộ KTTH.

Thứ hai, kết quả nghiên cứu tạo cơ sở phân biệt chính sách tăng quy mô tài chính với chính sách nâng cao chất lượng phân bổ vốn. Đối với nhóm phát triển, trọng tâm là đưa nguồn vốn hiện có vào những hoạt động tuần hoàn có giá trị cao, gắn công bố tài chính với kết quả sử dụng tài nguyên và kiểm soát "tẩy xanh". Đối với nhóm đang phát triển, mở rộng khả năng tiếp cận vốn cần đồng thời cải thiện dữ liệu dự án, khả năng thẩm định, nguồn tài trợ dài hạn và cơ chế chia sẻ rủi ro. Khác biệt thực nghiệm giữa hai nhóm cho thấy chính sách hỗ trợ tài chính cần phù hợp với điều kiện thực thi, thay vì áp dụng một mô hình chung.

Thứ ba, luận án cho thấy chính sách tài chính cần phối hợp với cải thiện thể chế. Kiểm soát tham nhũng, tiếng nói và trách nhiệm giải trình gắn với minh bạch và giám sát sử dụng vốn; hiệu quả chính phủ, chất lượng điều tiết gắn với năng lực thiết kế và thực thi

chính sách; ổn định chính trị và pháp quyền tạo điều kiện cho các dự án cần vốn dài hạn. Đối với ngân hàng và nhà đầu tư, kết quả gợi ý nhu cầu đưa thông tin phát thải, năng lượng, sử dụng vật chất và vòng đời sản phẩm vào thẩm định tín dụng, quản trị rủi ro và giám sát sau giải ngân. Đối với doanh nghiệp, thông tin dự án minh bạch và dữ liệu môi trường đáng tin cậy hỗ trợ khả năng tiếp cận vốn chuyển đổi.